

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO
Số: 250 /CBTT - CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: **Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO.**

Trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513 569439

Fax: 02513 569 437

Email: lamaidico@vnn.vn

Website: www.lamaidico.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Phạm Minh Hải**

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

ĐT cố định: 02513 569 439

; Fax: 02513 569 437;

ĐT Di động: 0902 703 989

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty với đường dẫn: <http://www.lamaidico.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Phạm Minh Hải

IDICO

www.idico.com.vn

LAMA IDICO

2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



MỤC LỤC

Thông tin chung	1	4	Báo cáo của Hội đồng quản trị
Tình hình hoạt động trong năm	2	5	Quản trị Công ty
Báo cáo của Ban Giám đốc	3	6	Báo cáo tài chính

01

Thông tin chung



1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức, bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Giấy CNĐKKD : 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13/02/2008, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 27/12/2014

Vốn Điều lệ : 55.000.000.000 đồng

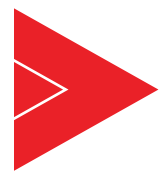
Trụ sở chính : Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (0251) 3569 439

Fax : (0251) 3569 437

Website : lamaidico.com.vn

Mã cổ phiếu : LMI



Quá trình hình thành và phát triển

- Bộ Xây dựng Tặng Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác.
- Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về thành tích xuất sắc trong phong trào Thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh.

2013

2017

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (LAMA IDICO) đã thực hiện Đăng ký Giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với vốn điều lệ là 55 tỷ đồng, tương ứng 5.500.000 cổ phiếu.

2016

Bộ Xây dựng Tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc tiêu biểu

2012

Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng về thành tích xuất sắc đạt được trong năm.

2014

- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng về thành tích xuất sắc đạt được trong năm.
- Cờ Thi đua của Công đoàn xây dựng Việt Nam về thành tích xuất sắc trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động công đoàn.

2011

Giảm vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập Công ty (tháng 02/2008) là 80 tỷ đồng xuống còn 55 tỷ đồng, tương ứng 5.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Ngày 18/05/2011, Công ty đã được cấp GCNĐKDN số 3600975839 thay đổi lần thứ 2 với vốn điều lệ là 55 tỷ đồng.

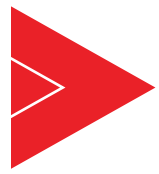
2009

- Bộ Xây dựng công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2009”
- Bằng khen của Công đoàn Xây dựng Việt Nam về thành tích xuất sắc trong phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ”.

2008

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (LAMA IDICO) là đơn vị thành viên của Tổng công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO). Công ty được thành lập bởi 5 thành viên sáng lập là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (20%), Công ty IDICO-URBIZ (5%), Công ty IDICO-UDICO (5%), Công ty IDICOCONAC (5%), Công ty IDICO-COMATRA (5%)
- Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3600975839 ngày 13/02/2008 với số vốn điều lệ ban đầu là 80 tỷ đồng.





Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

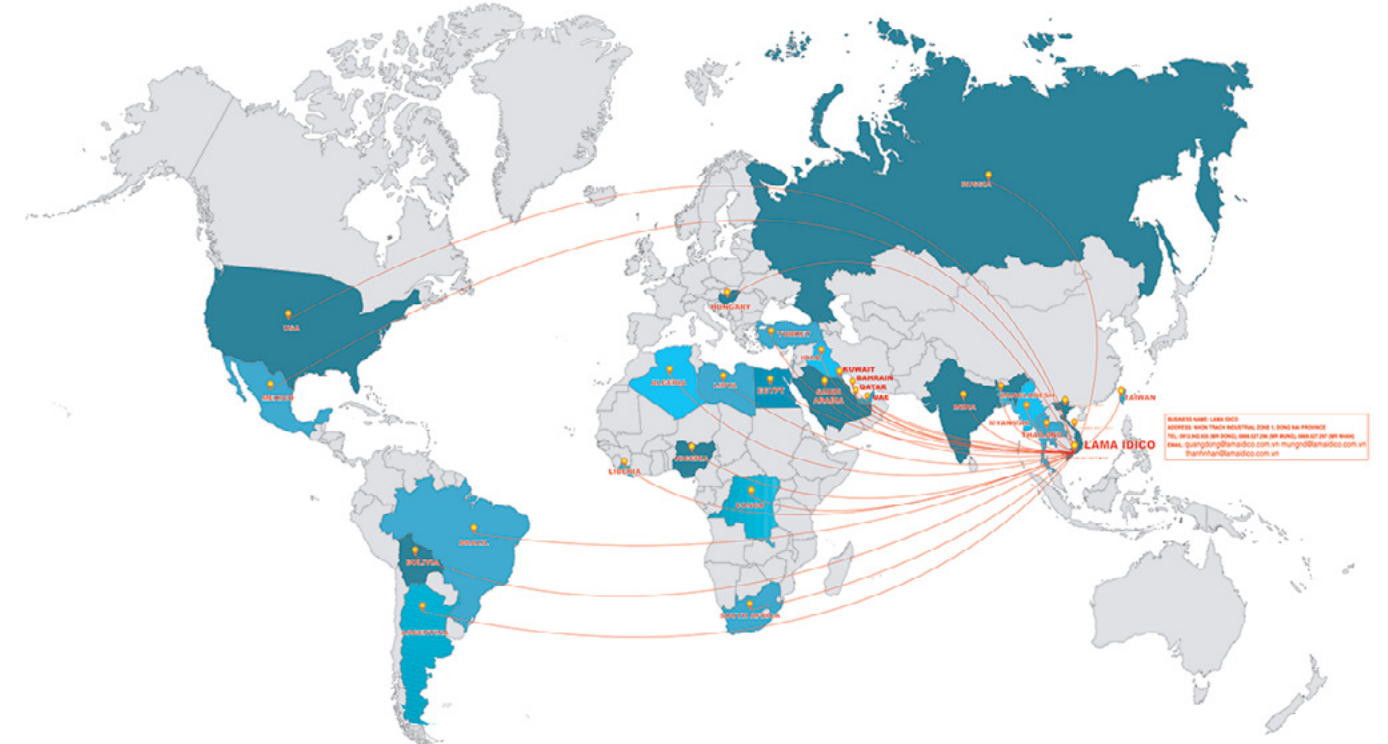
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước cho các công trình.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Gia công lắp đặt các bể chứa có dung tích lớn, vừa và nhỏ, các bình, bồn áp lực, hệ thống đường ống áp lực cho các loại dây chuyền công nghệ.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, khung nhà công nghiệp và dân dụng.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng, lắp đặt đường dây, trạm biến áp, trạm phân phối điện đến 500KV. Gia công lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình xử lý nước thải.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn. Lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ. Gia công lắp đặt cầu trục, thiết bị nâng cho các nhà máy, sàun công nghiệp, cảng biển và sông.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công, lắp đặt thiết bị các nhà máy Thủy điện, nhiệt điện, xi măng, công nghệ giấy, dầu khí, v.v...



Địa bàn kinh doanh

- Công ty đã xuất khẩu sản phẩm phụ trợ ngành thép và kết cấu thép đi hơn 20 nước trên thế giới như Algeria, Arb Saudi, Bahrain, Bangladesh, Bolivia, Brazil, Congo, Hungari, India, Iraq, Kuwait, Libia, Nigieria, Pakistan, Qatar, Russia, South Africa, Taiwan, Thailand, Turkey, UEA, USA.
- Chế tạo và lắp đặt trong nước: Bà Rịa – Vũng tàu, Bình Dương, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đồng Nai, TP.HCM, Hưng Yên, Hải Phòng, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Ninh Thuận, Quảng Bình, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thanh Hóa.

BẢN ĐỒ XUẤT KHẨU CỦA LAMA IDICO WORLD EXPORT MAP OF LAMA IDICO



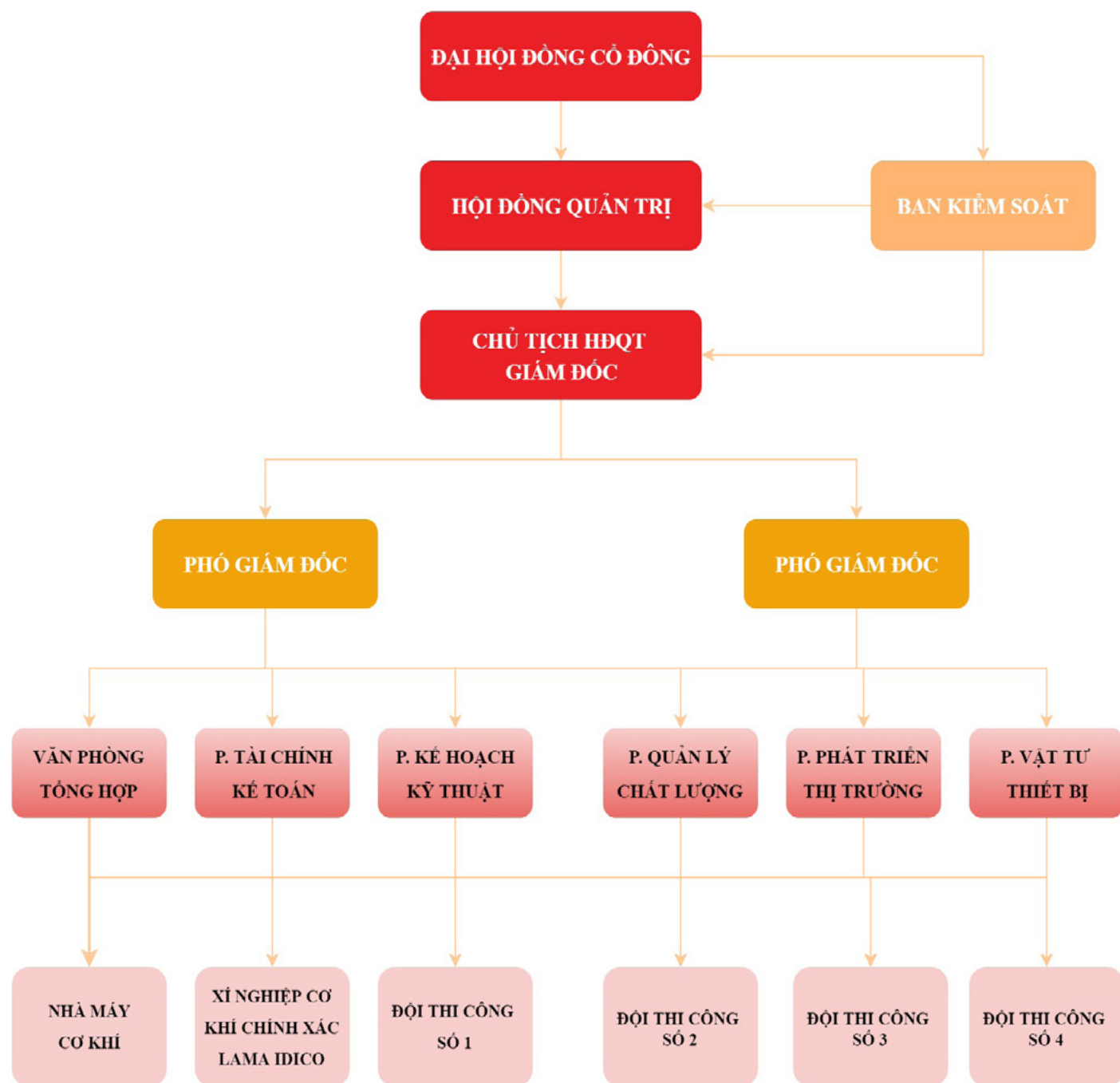
LAMA IDICO đã xuất khẩu sản phẩm phụ trợ ngành thép và kết cấu thép đi hơn 20 nước trên thế giới như: Algeria, Arb Saudi, Bahrain, Bangladesh, Bolivia, Brazil, Congo, Hungari, India, Iraq, Kuwait, Lybia, Nigeria, Pakistan, Qatar, Russia, South Africa, Taiwan, Thailand, Turkey, UEA, USA.

Chế tạo và lắp đặt trong nước: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đồng Nai, TP. HCM, Hưng Yên, Hải Phòng, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Ninh Thuận, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thanh Hóa.

LAMA IDICO exported steel support products and steel structure to more than 20 country such as: Algeria, Arb Saudi, Bahrain, Bangladesh, Bolivia, Brazil, Congo, Hungari, India, Iraq, Kuwait, Lybia, Nigeria, Pakistan, Qatar, Russia, South Africa, Taiwan, Thailand, Turkey, UEA, USA.

Vietnam domestic: Ba Ria-Vung Tau, Binh Dinh, Binh Duong, Binh Phuoc, Binh Thuan, Can Tho, Dak Lak, Dong Nai, HCM City, Hung Yen, Hai Phong, Hau Giang, Kien Giang, Long An, Ninh Thuan, Quang Binh, Quang Nam, Quang Ngai, Thanh Hoa.

Mô hình quản trị, tổ chức, bộ máy quản lý



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu

- Đi tắt, đón đầu để trở thành một trong những đơn vị mạnh, có thương hiệu về chế tạo và lắp đặt thiết bị cũng như cung cấp các dịch vụ cho các nhà máy nhiệt điện.
- Trở thành trung tâm của Khu vực Miền Đông và Miền Tây Nam Bộ chuyên cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo trì cho các Nhà máy công nghiệp, Nhà máy thủy điện, Nhà máy xi măng, v.v...

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trở thành đơn vị chuyên nghiệp trong lĩnh vực chế tạo, lắp đặt thiết bị trọn bộ, thiết bị công nghệ phi tiêu chuẩn và tiêu chuẩn, thiết bị công nghệ.
- Trở thành đơn vị có vị thế trong việc cung cấp dịch vụ sửa chữa và cung cấp thiết bị, sửa chữa tàu tại khu vực Mỹ Xuân.
- Mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh như: Kinh doanh vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị điện.
- Ngoài sản phẩm chính là thiết bị và kết cấu thép, đơn vị sẽ dẫn đi vào thi công các công trình xây dựng công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông.
- Trở thành một trong những đơn vị đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ sản phẩm sạch, năng lượng, vật liệu.
- Trở thành một trong những đơn vị có khả năng sinh lời và tối đa ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.
- Trở Thành đơn vị kinh doanh thương mại vật liệu có thị phần lớn trong nước.
- Một trong những doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng.

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6% vào mức tăng trưởng của GDP. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam như vậy cũng tạo thêm điều kiện thuận lợi cho phát triển của Công ty.

Bên cạnh thị trường trong nước tăng trưởng, thì nền kinh tế thế giới đã và đang đối mặt với nhiều diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới tăng

Rủi ro đặc thù ngành

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là gia công cơ khí nên thời gian thi công kéo dài, trong khi việc giải ngân của các công trình thường khá chậm làm hạn chế hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, lĩnh vực lắp đặt thiết bị rất phức tạp kết hợp với điều kiện làm việc ngoài trời nên chịu tác động lớn từ biến đổi của thời tiết, khí hậu. Ngoài ra, những công trình mà Công ty tham gia như nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng,... đòi hỏi độ chính xác cao, mang tính chất lưu động và độc hại. Nắm bắt được những khó khăn đó, Công ty đã chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào có tính chống chịu tốt với sự biến đổi thời tiết, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của công ty, đồng thời cung cấp đầy đủ đồ bảo hộ phù hợp công việc cho người lao động.

trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động xấu đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng vì Công ty có xuất khẩu các mặt hàng sang 20 nước.

Do vậy, để hạn chế tác động của biến động tình hình thế giới, Công ty đã chủ động theo dõi, thường xuyên cập nhật, đánh giá từ đó đưa ra những chính sách phù hợp với tình hình của Công ty.



Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu, thiết bị đầu vào

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là thi công xây lắp nên biến động của giá nguồn vật liệu đầu vào như thép sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong năm 2018, giá thép biến động tăng do giá thép tại Trung Quốc giữ xu hướng phục hồi và giá vật liệu thô tăng mạnh.

Bên cạnh đó, thời gian thi công kéo dài, trong khi việc giải ngân của các công trình thường khá chậm làm hạn chế hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, lĩnh vực lắp đặt thiết bị rất phức tạp kết hợp với điều kiện làm việc ngoài trời nên chịu tác động lớn từ biến đổi của thời tiết, khí hậu. Những công trình mà Công ty tham gia như nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng,... đòi hỏi độ chính xác cao, mang tính chất lưu động và độc hại. Nắm bắt được những khó khăn đó, Công ty đã chủ động dự trữ nguồn thép với giá hợp lý, đồng thời, tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào có tính chống chịu tốt với sự biến đổi thời tiết, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của công ty, đồng thời cung cấp đầy đủ đồ bảo hộ phù hợp công việc cho người lao động.



Rủi ro luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp đang được giao trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang trong quá trình đổi mới, điều đó yêu cầu Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là cơ khí và xây dựng nên Công ty còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp lý như Luật Môi trường, Luật Xây dựng và các văn bản liên quan khác.

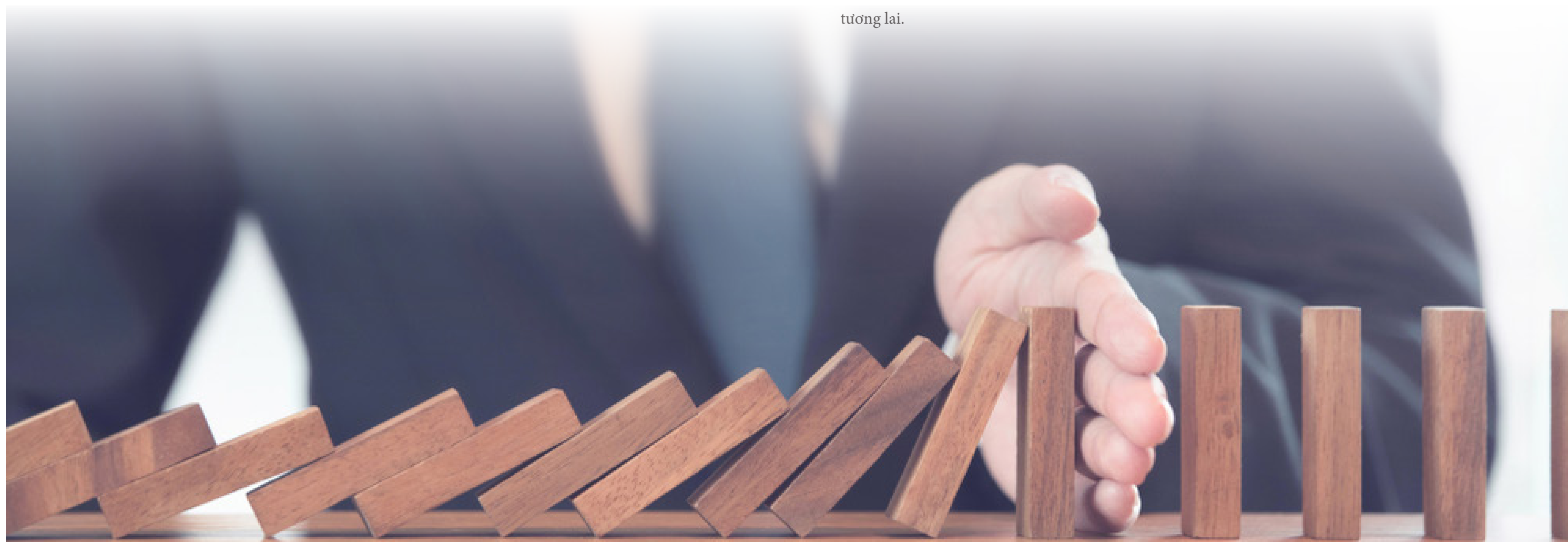
Do vậy, để hạn chế tác động trên, Công ty đã chủ động theo dõi, cập nhật và từ đó có những điều chỉnh phù hợp với quy định Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Với những doanh nghiệp có thương hiệu vững chắc trong ngành cơ khí chế tạo trên thị trường như Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, Tổng Công ty cơ khí xây dựng, điều này đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động đấu thầu của các Công ty có tuổi đời khá trẻ như Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO. Hiểu rõ được hạn chế này, Công ty đã có phương án cạnh tranh phù hợp để có thể đứng vững trong ngành, thực hiện các biện pháp như nâng cao năng lực công nghệ, kỹ thuật. Ngoài ra, Ban lãnh đạo chú trọng đến chính sách đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong năm 2018 và tương lai.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty

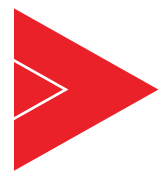


02

Tình hình hoạt động trong năm



1. Tình hình hoạt động trong năm
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



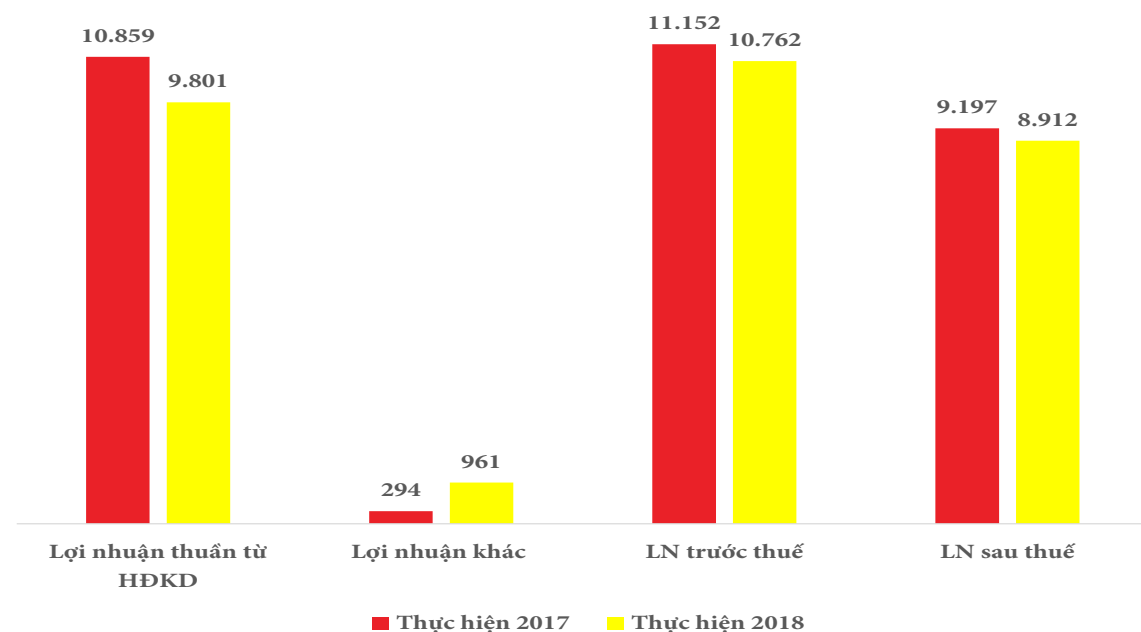
Tình hình hoạt động trong năm

Năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 7,08% cao nhất trong 10 năm trở lại đây, trong khi đó bối cảnh quốc tế không mấy thuận lợi, trong nước trần nợ công, đầu tư trung hạn ... tạo nên rào cản làm hạn chế việc đầu tư các dự án lớn. Bên cạnh đó, ngày càng nhiều hiệp định được ký kết mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác trên thương trường quốc tế. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng mang đến những cơ hội thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là xu hướng chuyển dịch cơ sở sản xuất vào Việt Nam tạo động lực cho ngành xây dựng phát triển. Cụ thể, năm 2018 ngành xây dựng đã duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16% cho lĩnh vực xây lắp và khoảng 4% cho lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Bên cạnh những tín hiệu tích cực từ thị trường trong năm 2018 thì hoạt động của LAMA IDICO cũng đạt gặp phải những khó khăn làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng doanh thu trong năm 2018. Cụ thể doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 274.580 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ 98,51% so với cùng kỳ năm trước.

Các khoản mục khác được trình bày rõ ràng bên dưới:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	So với TH 2017 (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	278.723	274.580	98,51%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	27.771	28.191	101,51%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.859	9.801	90,26%
Lợi nhuận khác	294	961	327,21%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.152	10.762	96,50%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.197	8.912	96,89%



Tổ chức nhân sự

Sơ yếu lý lịch

Ông Nguyễn Cao Hà - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 08/04/1957
 Nơi sinh : Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Cử Nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1981 - 2000 : Kỹ thuật thi công - Giám đốc Xí nghiệp Công ty LILAM 69 - 1 Thị xã Bắc Ninh.
- 2000 - 2003 : Phó Giám đốc Công ty LILAMA 69 - 2 TP. Hải Dương.
- 2003 - 2007 : Ông giám đốc Công ty LILAMA 45 - 4 TP. Biên Hòa.
- 2008 - Nay: : Chủ tịch HĐQT - Giám đốc LAMA IDICO.

Ông Nguyễn Quang Đồng - Phó Giám đốc

Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 14/09/1972
 Nơi sinh : Nghệ An
 Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác

- 07/1996 - 12/2007 : Công ty cổ phần LILAMA 45.4.
- 02/2008 - nay : Phó Giám đốc LAMA IDICO.

Tổ chức nhân sự

Ông Nguyễn Văn Vinh - Phó Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 08/11/1979

Nơi sinh : Nghệ An

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác

- 03/2002 – 07/2007 : Chuyên viên – Công ty Cổ phần LILAMA 45.4, Biên Hòa, Đồng Nai
- 08/2007 – 01/2008 : Chuyên viên Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư IPA- Trụ sở chính Hai bà Trưng – Hà Nội
- 02/2008 – 09/2018 : Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty cổ phần đầu tư xây dựng lắp máy IDICO
- 09/2018 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng lắp máy IDICO

Bà Vũ Thị Hiền - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 28/06/1982

Nơi sinh : Hải Phòng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 03/2004 - 07/2005 : Công ty cổ phần tư vấn đầu tư IDICO
- 08/2005 - 02/2007 : Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)
- 03/2007 - 06/2009 : Ban quản lý các khu công nghiệp IDICO
- 07/2009 - 02/2010 : Chuyên viên Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO
- 03/2004 - 07/2005 : Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO
- 08/2010 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO (LAMA IDICO)

Số lượng lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	614	100,00%
1	Đại học	65	10,6%
2	Cao đẳng, trung cấp	6	0,97%
3	Khác (CN Kỹ thuật, LĐ phổ thông)	543	88,4%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	614	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	6	0,97%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	257	41,8%
3	Hợp đồng theo thời vụ	351	57,2%



Chính sách cho người lao động

Về tiền lương

Nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng Công ty thực hiện chi trả lương theo đúng quy định của Luật lao động và quy định của Công ty. Chế độ chi trả lương luôn được Công ty chú trọng thực hiện, đồng thời, chế độ tính lương cũng được Công ty cập nhật theo quy định mới nhất. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty còn áp dụng lương thưởng dựa trên các đánh giá về kết quả công việc mang lại, đóng góp ý kiến vì sự phát triển của Công ty, v.v... Còn đối với, nhân viên gián tiếp thì sẽ hưởng lương theo trình độ, năng lực và hiệu quả thực hiện công việc được giao.

Về thời gian làm việc

Công ty thực hiện giờ làm việc là 8 giờ/ngày, thời gian nghỉ ngơi rõ ràng, đồng thời thực hiện thời gian nghỉ lễ đúng với quy định của Nhà nước.

Công tác chăm lo đời sống đối với cán bộ công nhân viên

Nhằm duy trì ổn định tình hình lực lượng lao động cũng như đội ngũ dày dặn kinh nghiệm, Công ty đã luôn cố gắng đảm bảo và thanh toán lương đúng thời gian quy định. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thăm hỏi và hỗ trợ kịp thời những trường hợp khó khăn, đau ốm, nghỉ thai sản, v.v.... Công ty còn có chính sách ưu đãi cho những trường hợp gắn bó lâu dài với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn

Công ty thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, góp phần tạo tâm lý yên tâm cho người lao động làm việc, xây dựng tinh thần làm việc hết mình vì lợi ích chung của Công ty.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Thực hiện dự án ngoài

Trong năm 2018 LAMA đã ký và đang tiếp tục triển khai một số hợp đồng của một số đối tác lớn và có Danh tiếng trên thị trường Việt Nam như:

- Công ty Tôn Đông Á
- Công ty Tôn TVP
- Công ty Thép Vinakyoei
- Công ty Thép Miền Nam
- Công ty Tôn thép POMINA
- Công ty Thép Nguyễn Minh.
- Công ty Thép Tungho.
- Công ty Tôn Hoà Phát.

Và duy trì mối quan hệ và tiếp tục ký hợp đồng với các đối tác nước ngoài nhưng thực hiện Dự án trên lãnh thổ Việt nam như:

- Công ty Cầu trục Konecranes
- Tập đoàn điện lực GE (India)
- Công ty Cầu trục MHE DEMAG
- Tập đoàn Globetech – Úc

Ngoài ra Công ty còn thực hiện một số công trình khác như:

- Thủy điện Srok Phu Miêng
- Làm thầu phụ cho NARIME
- Làm thầu phụ cho ATAD
- Làm thầu phụ cho QH PLUS

Thực hiện dự án của Công ty

- Công ty đã thực hiện hoàn thành công tác đầu tư máy móc cho Nhà xưởng giai đoạn 3 (Bao gồm phần kết cấu nhà + Cầu trục và hệ thống nhà phun bi).
- Công ty đã khánh thành nhà văn phòng làm việc và khu phụ trợ, đang tiến hành công tác nghiệm thu hoàn công.
- Công ty đang tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến và tiến hành đầu tư xây dựng Nhà xưởng và thiết bị máy móc tại Xí nghiệp Gia công cơ khí chính xác và Nhà máy Cơ khí LAMA IDICO
- Tổng giá trị đã đầu tư năm 2018 là: 11.495 tỷ đồng.



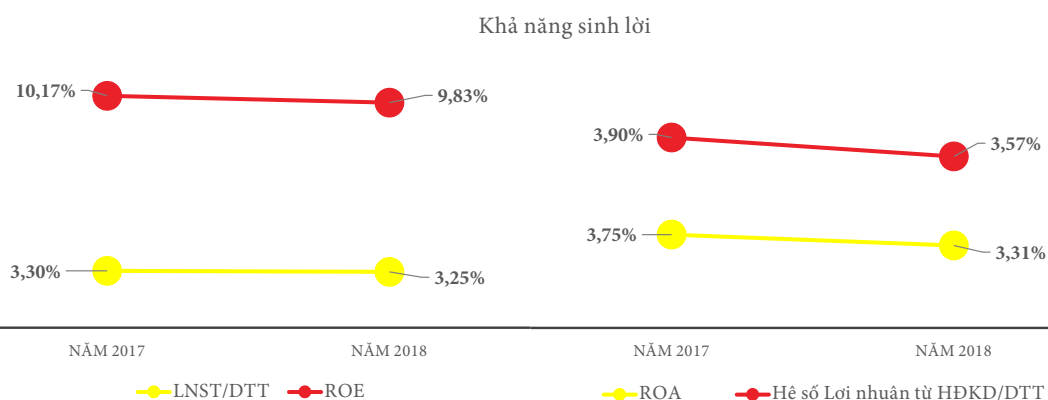
Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,30	1,19
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,88	0,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	61,44%	70,09%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	159,37%	234,36%
Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,26	4,25
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,14	1,02
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,30%	3,25%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,17%	9,83%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	3,75%	3,31%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	3,90%	3,57%



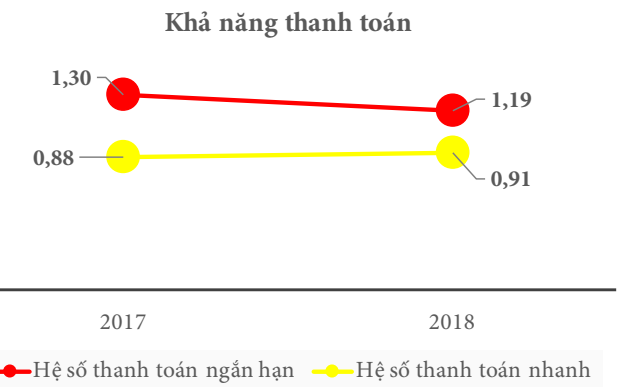
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời trong năm 2018 của Công ty vẫn tiếp tục xu hướng phát triển ổn định, nhìn chung các chỉ số khả năng sinh lời không có biến động nhiều so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân đạt lần lượt là 9,83% và 3,31%.



Chỉ số về khả năng thanh toán

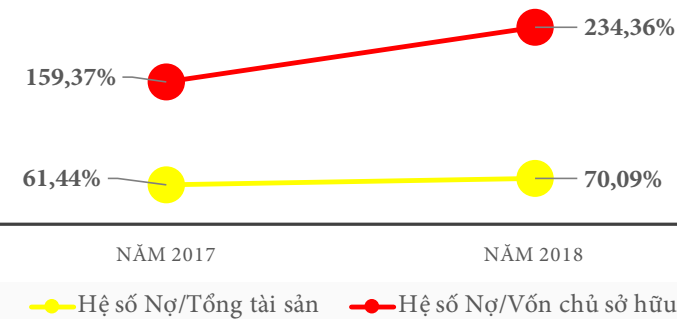
Chỉ số khả năng thanh toán thể hiện khả năng đáp ứng nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn của Công ty. Trong năm 2018, các chỉ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty vẫn duy trì mức an toàn và ổn định. Cụ thể, chỉ số thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ xuống còn 1,19 lần, chỉ số thanh toán nhanh đạt mức 0,91 lần.



Chỉ số về cơ cấu vốn

Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng khá lớn (67,44%) trong tổng tài sản. Với đặc thù là doanh nghiệp chuyên về xây lắp nên việc sử dụng đòn bẩy giúp doanh nghiệp tối ưu hóa lợi nhuận, đồng thời là nguồn quan trọng giúp Công ty xoay vòng vốn nhanh. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro mà đòn bẩy tài chính mang lại trong thời gian qua, Công ty đã cố gắng kiểm soát tốt dòng tiền để hạn chế rủi ro kiệt quệ tài chính.

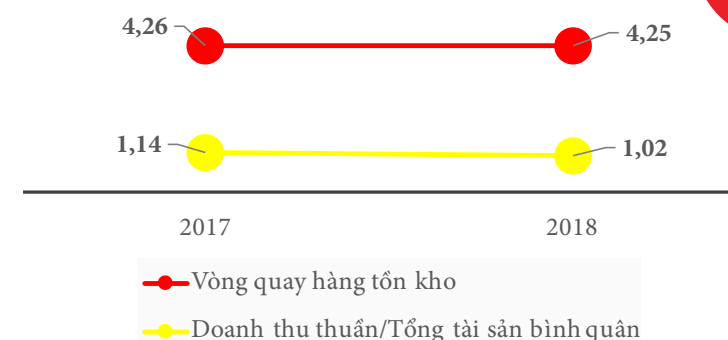
Cơ cấu vốn

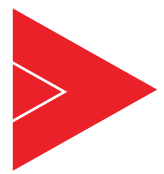


Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

Với đặc thù hoạt động là chuyên về gia công cơ khí, lắp đặt thiết bị yêu cầu về lượng hàng hóa tồn kho cao để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh. Trong năm, các chỉ số về hiệu suất hoạt động của Công ty vẫn duy trì tốt, vòng quay hàng tồn kho và hiệu suất sử dụng tài sản lần lượt đạt 4,25 lần và 1,02 lần.

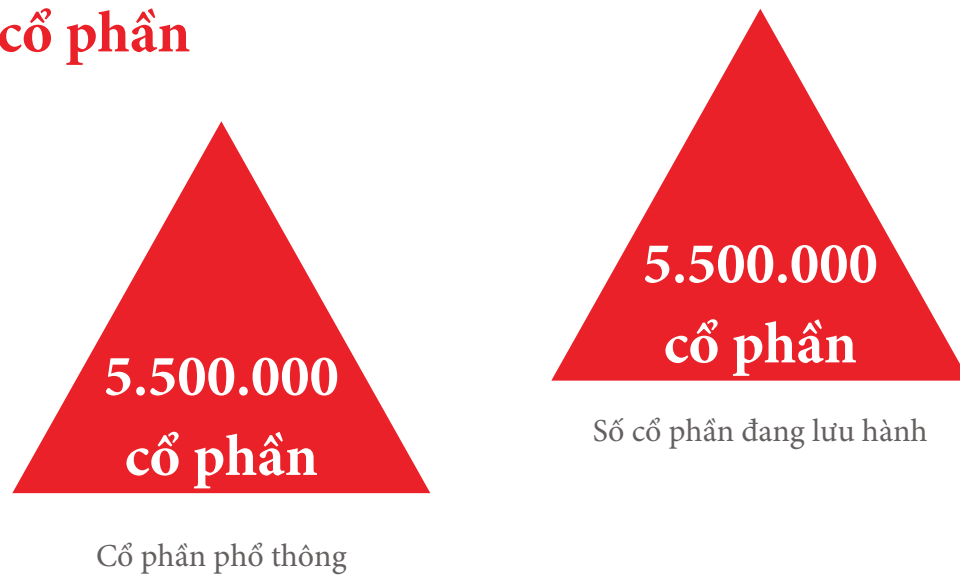
Hiệu suất hoạt động





Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

Cơ cấu cổ phần



Cơ cấu cổ đông chốt ngày 09/04/2019

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	180	5500000	100,00%
1	Tổ chức	4	1.896.980	34,49%
2	Cá nhân	176	3603020	65,51%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	0,00%
1	Tổ chức	-	-	0,00%
2	Cá nhân	-	-	0,00%
Tổng cộng		180	5.500.000	100%



Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Lama idico cam kết



Luôn tuân thủ chặt chẽ những Quy định hiện hành về môi trường theo luật môi trường.



Giảm thiểu tiêu hao năng lượng và lãng phí nguồn tài nguyên bằng các biện pháp thi công sản xuất khoa học nhằm tiết kiệm năng lượng cũng như sức lao động. Tiết kiệm trong sử dụng văn phòng phẩm như giấy in, giấy copy, v.v...



Sử dụng các nguyên vật liệu và phụ liệu gây ảnh hưởng ít đến môi trường, hạn chế phát sinh rác thải công nghiệp và tăng tỉ lệ tái sử dụng.



Giảm gánh nặng ô nhiễm môi trường thông qua việc kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quản lý nguồn nguyên liệu

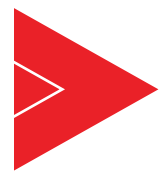


Nguyên liệu là yếu tố quan trọng trong hoạt động, do đó, Công ty luôn chú trọng khâu quản lý. Đồng thời, đặc thù Công ty thuộc lĩnh vực chế tạo, lắp đặt và xây dựng nên cần một lượng hàng trong kho nhất định, trong đó, thép là nguyên liệu chi phối mạnh hoạt động kinh doanh và được Công ty chú trọng dự trữ trong năm.



Bên cạnh đó, trong năm 2018 giá thép các loại tăng, do vậy, Công ty đã chủ động dự trữ nguồn nguyên liệu phù hợp với tình hình hoạt động. Cùng với đó, Ban lãnh đạo phối hợp với đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện theo dõi và cập nhật liên tục diễn biến giá nguyên vật liệu nhằm tối ưu lợi nhuận, đồng thời, định hướng phát triển tăng trưởng bền vững trong năm và tương lai cho Công ty.





Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Tiêu thụ năng lượng

Điện năng chiếm một phần quan trọng trong hoạt động chế tạo, lắp đặt và xây dựng của Công ty. Đồng thời, chi phí sử dụng điện năng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận hoạt động của Công ty. Do đó, Công ty đề ra chính sách nhằm tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, như lắp đặt và sử dụng đồng loạt bóng đèn tiết kiệm điện trong khu làm việc, quản lý và kiểm soát chặt chẽ nguồn điện được tắt hoàn toàn khi hết giờ làm việc ở các nhà xưởng, phòng ban, chia ca làm việc hợp lý và hiệu quả, .v.v...

Báo cáo liên quan đến người lao động



Công ty đã tạo cho người lao động có một môi trường làm việc tốt nhất. Trang bị các phương tiện, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ và bảo hộ lao động cần thiết, đầy đủ nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động.



Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, chế độ chính sách về lương, thưởng, BHXH, BHYT, BHTN, v.v... Luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã và đang đảm nhiệm trợ cấp hàng tháng cho 01 Mẹ Việt nam Anh hùng tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch.



Hàng năm Công ty quyên góp, ủng hộ kinh phí cho địa phương (xã Hiệp Phước - huyện Nhơn Trạch và xã Long An - huyện Long Thành). Thực hiện công tác chăm lo đời sống cho các gia đình chính sách, người già neo đơn và công nhân nghèo không có tiền về quê ăn Tết.



Quyên góp ủng hộ đồng bào Miền Trung trong công tác khắc phục thiên tai, bão lũ và các cuộc vận động quyên góp ủng hộ khác do Nhà nước, Tổng Công ty phát động.

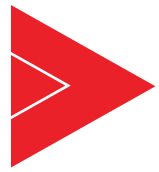


03

Báo cáo của Ban giám đốc



1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2018
2. Tình hình tái chính
3. Những cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai



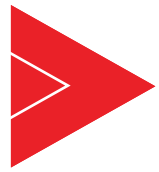
Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Năm 2018, các nền kinh tế đầu tàu của thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Liên Minh Châu Âu, v.v... có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, trong đó phải kể đến nguyên nhân ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Ngược với sự chững lại của nền kinh tế thế giới thì môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn được đánh giá là nền kinh tế có nhiều cải cách, Chính phủ tiếp tục thực hiện hàng loạt các chính sách thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Điều này đã góp phần mang lại kết quả tăng trưởng vượt bậc trong hơn 1 thập kỷ, cụ thể số liệu công bố của Tổng cục thống kê mức tăng trưởng đạt 7,08% vượt mức dự báo 6,8% trong năm 2018. Trong năm qua, sự tăng trưởng của nền kinh tế có đóng góp không nhỏ của khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về phía LAMA IDICO, bên cạnh tình hình kinh tế trong nước tăng trưởng khả quan đã ảnh hưởng tích cực phần nào đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, do môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn như tính cạnh tranh, nguyên vật liệu còn phải nhập từ nước ngoài, v.v... điều này đã tạo nhiều hạn chế về tăng trưởng của Công ty. Trong năm 2018, Ban lãnh đạo đã cố gắng đưa ra chính sách hoạt động đúng đắn, phù hợp tập trung nâng cao chất lượng công trình, ngoài ra đẩy mạnh tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước. Cụ thể, tổng tài sản đạt 301.702 triệu đồng, tăng tương ứng 27,84%, trong khi đó doanh thu thuần đạt 274.580 triệu đồng, hoàn thành 98,51% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	235.998	301.702	127,84%
Doanh thu thuần	278.723	274.580	98,51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.859	9.801	90,26%
Lợi nhuận khác	294	961	327,21%
Lợi nhuận trước thuế	11.152	10.762	96,50%
Lợi nhuận sau thuế	9.197	8.912	96,89%



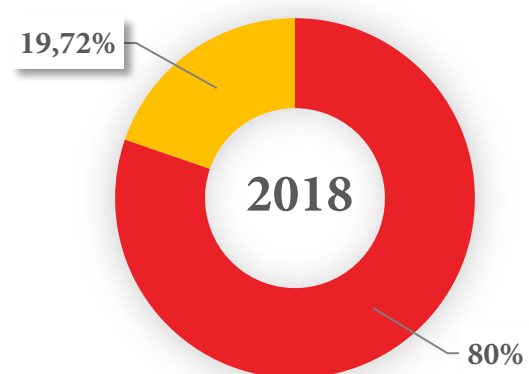
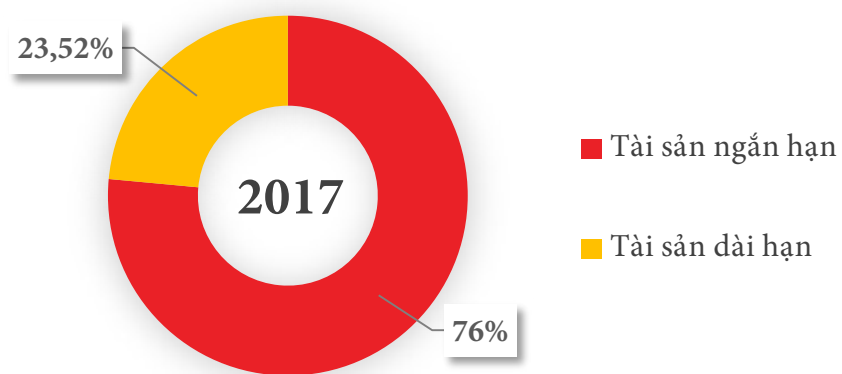


Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	180.481	76,48%	242.201	80,28%
Tài sản dài hạn	55.516	23,52%	59.501	19,72%
Tổng tài sản	235.998	100,00%	301.702	100,00%

Tính đến ngày 31/12/2018, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 242.201 triệu đồng chiếm 80,28% trong cơ cấu tài sản và tăng tương ứng 34,20% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tài sản ngắn hạn là khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và hàng tồn kho, trong đó khoản phải thu khách hàng tập trung vào khách hàng lớn, làm ăn lâu năm và có uy tín trên thị trường. Ngoài ra, trong năm tài sản dài hạn của Công ty cũng tăng nhẹ 7,18% do có khoản đầu tư dài hạn mặt bằng khu văn phòng việc trong năm 2018.

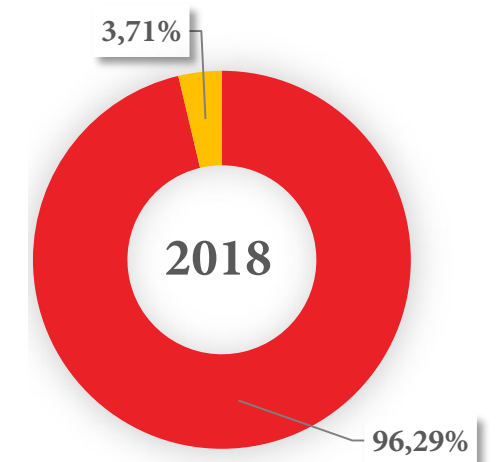
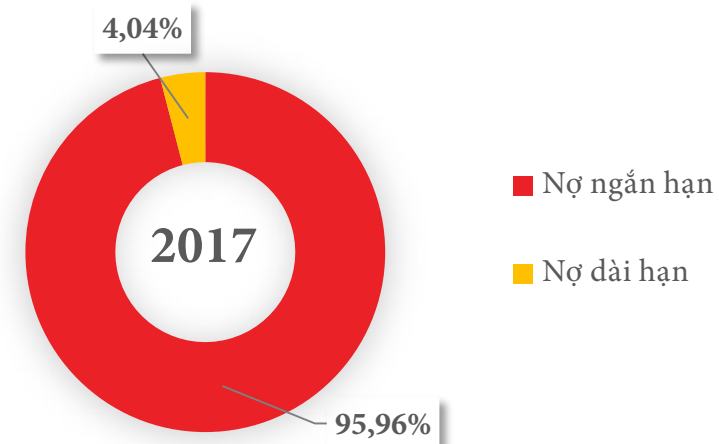
Cơ cấu tài sản



Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	139.146	95,96%	203.621	96,29%
Nợ dài hạn	5.862	4,04%	7.850	3,71%
Nợ phải trả	145.008	100,00%	211.470	100,00%

Cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn chiếm đến 96,29% trong cơ cấu nợ phải trả trong năm 2018, trong đó chủ yếu là nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn đến hạn trả (đạt 123 tỷ đồng) và tiếp đến là khoản phải trả khách hàng.

Cơ cấu nợ phải trả



Những cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

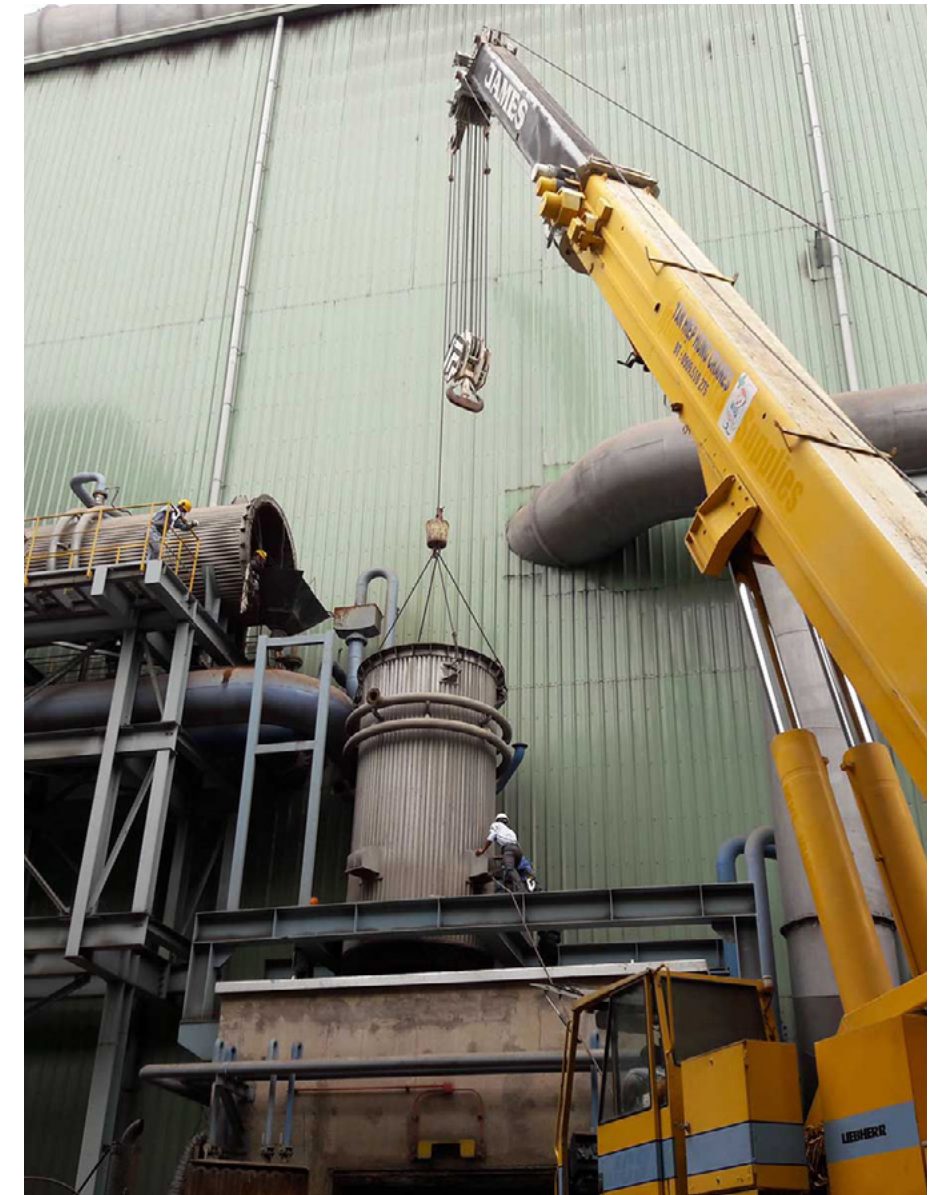
Để công tác quản lý sản xuất được thống nhất, Công ty đã xây dựng và thành lập các Phòng ban chức năng cũng như bộ máy sản xuất theo dõi tình hình sản xuất của Công ty. Cụ thể bao gồm các phòng và bộ phận sản xuất như sau:

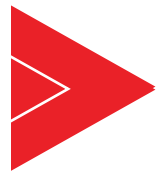


- Ban Giám đốc: 3 người (gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc)
- Phòng Tổng hợp: 13 người (gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Phòng, 01 nhân viên, bảo vệ 06 người, lái xe 03 người, tạp vụ 01 người)
- Phòng Tài chính kế toán: 5 người (gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó Phòng, 03 nhân viên)
- Phòng Kế hoạch kỹ thuật: 11 người (gồm 01 Trưởng phòng và 10 kỹ sư)
- Phòng QA/QC có 08 người (gồm 01 Trưởng phòng, 05 kỹ sư và 02 chuyên gia)
- Phòng Vật tư thiết bị: 07 người (gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó phòng, 05 Nhân viên)
- Phòng Phát triển thị trường: 03 người
- Nhà máy Cơ khí: Tổng cộng 167 người (01 GD, 02 PGD, hành chính 01 người, an toàn 01 người, Phụ trách kỹ thuật: 08 kỹ sư, Công nhân kỹ thuật là 154 người).
- Xí nghiệp Cơ khí chính xác: Tổng cộng 20 người (01 GD, 01 PGD, 03 kỹ sư và Công nhân kỹ thuật là 15 người)
- Đội thi công: 05 Đội với Tổng cộng 377 người (Cán bộ kỹ thuật: 40 người và 337 công nhân)

Tổng số CBCNV là 614 người.

Đây là số liệu trung bình, còn số lượng CBCNV thi công được thay đổi tùy thuộc vào tiến độ thi công và nhu cầu thực tế tại công trình.





Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	KH 2019/TH 2018
Tổng giá trị SXKD (Bao gồm vật tư A cấp)	445.745	310.000	86,11%
Doanh thu, thu nhập khác	278.703	260.000	93,29%
Lợi nhuận trước thuế	10.762	10.200	94,78%
Nộp ngân sách	23.782	20.000	84,1%
Giá trị đầu tư phát triển	11.495	44.600	388%
Cổ tức dự kiến	12%	12%	100,00%
Thu nhập bình quân	8,5	8,5	100,00%

Giải pháp và chiến lược áp dụng cho KHSXKD năm 2019

Trước hết, lấy công việc chế tạo thiết bị và xây lắp làm nòng cốt phát triển Công ty đồng thời nghiên cứu tìm kiếm dự án đầu tư để phát triển bền vững, để thực hiện nhiệm vụ này Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các biện pháp:

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu đối với một số mặt hàng thiết yếu, quan trọng như sắt thép, xăng dầu, sơn và một số vật tư cần thiết khác; ký kết một số hợp đồng nguyên tắc với các Nhà cung cấp vật tư nhằm ổn định mặt hàng đầu vào cho Công ty trong quá trình sản xuất.
- Tuyển dụng, đào tạo nâng cao năng lực CB CNV trong Công ty;
- Chủ động và có kế hoạch sử dụng vốn lưu động trong sản xuất kinh doanh;
- Lập kế hoạch đầu tư trang thiết bị và công nghệ

phù hợp với yêu cầu và khả năng tài chính Công ty;

- Nâng cao năng suất lao động; tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu nhằm giảm giá thành sản phẩm.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật, sáng tạo và chủ động trong công việc nhằm đáp ứng tiến độ thi công;
- Thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng như:

Đáp ứng tiến độ, chất lượng của các công trình đang thi công;

Bảo trì, bảo hành theo yêu cầu của khách hàng;

Liên hệ và tư vấn cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm Công ty;

- Đảm bảo duy trì và phát triển vốn và chia cổ tức hàng năm cho nhà đầu tư.

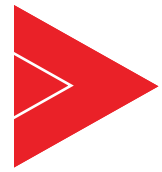


04

Đánh giá của Hội đồng quản trị



1. Thuận lợi và khó khăn
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



Thuận lợi và khó khăn

Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2018 trong bối cảnh nền kinh tế trong nước có tín hiệu ổn định, lạm phát kiểm soát, nền kinh tế từng bước được phục hồi với Phong trào khởi nghiệp, lập nghiệp của chính sách vĩ mô của Chính Phủ và cách mạng công nghiệp 4.0.

Tuy nhiên, năng suất và hiệu quả sản xuất vẫn còn thấp, kết quả SXKD của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp xây lắp còn nhiều khó khăn, giá trị dở dang và công nợ còn lớn, việc làm ít dẫn đến cạnh tranh rất cao..., do đó Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2018 đã đề ra.

Mặc dù khó khăn như vậy, nhưng được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty; và với Sự đoàn kết nhất trí của tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn, có nhiều giải pháp phù hợp, kịp thời như: tăng cường công tác chỉ đạo tại các công trình trọng điểm, huy động thêm nguồn vốn, tích cực tiếp thị tìm kiếm việc làm, tiết kiệm chi phí quản lý, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Cụ thể, trong năm 2018 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng lắp máy IDICO đạt như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	So với TH 2017 (%)
Doanh thu thuần	278.723	274.580	98,51%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.859	9.801	90,26%
Lợi nhuận khác	294	961	327,21%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.152	10.762	96,50%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.197	8.912	96,89%

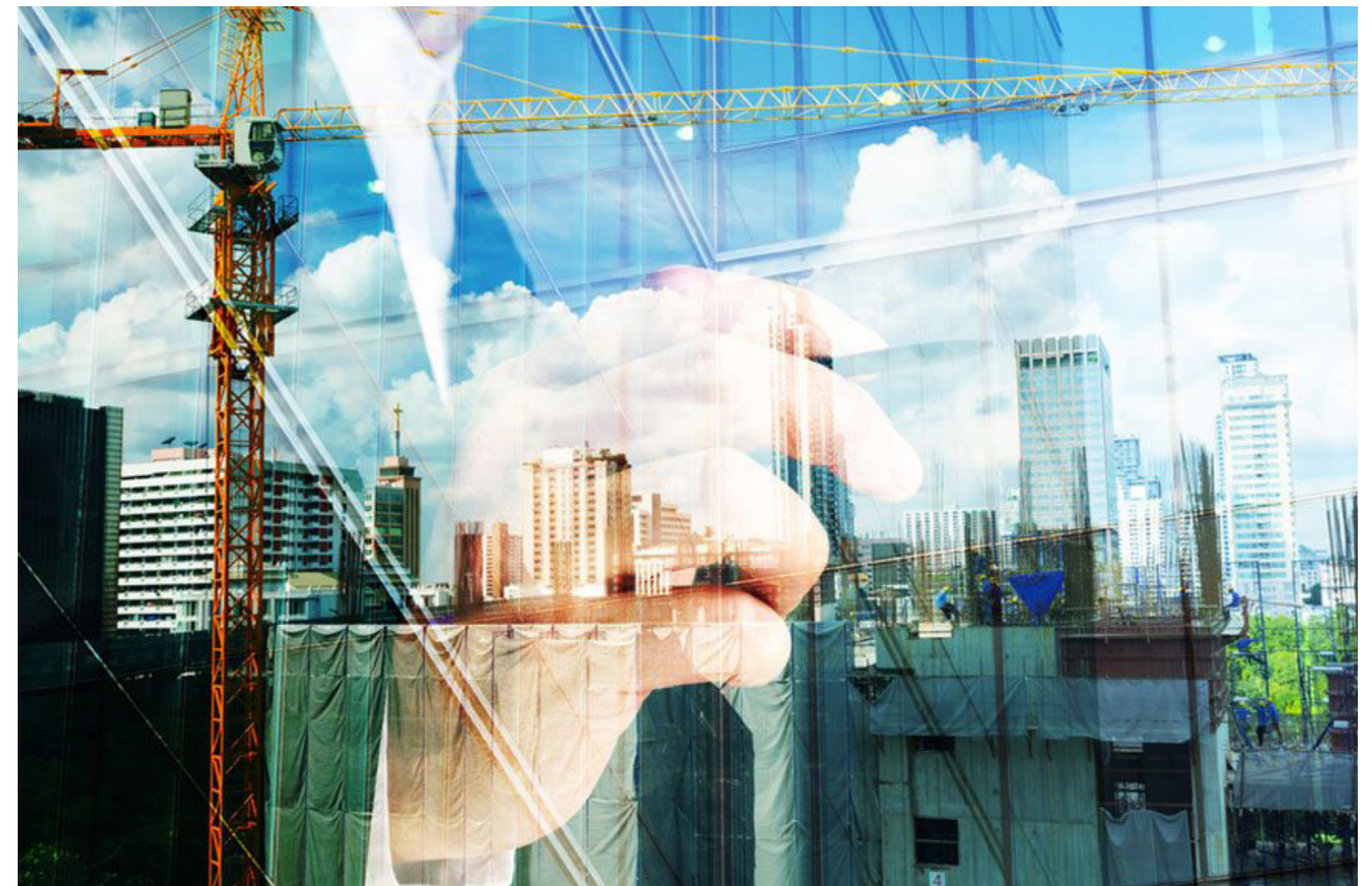


Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD



Trong năm 2018, với chức năng chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty, qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực và hiệu quả điều hành của Ban giám đốc và tập thể người lao động trong Công ty:

- Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Cơ chế phối hợp làm việc giữa Ban điều hành và các chức danh quản lý khác với Hội đồng quản trị thực sự hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tỷ suất lợi nhuận /doanh thu đạt 3,86% và dự kiến mức chia cổ tức 12% cho các cổ đông trong năm 2018. Với kết quả đạt được này chứng tỏ sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và tập thể người lao động của đơn vị trong điều kiện cạnh tranh gay gắt trên thị trường hiện nay.



Kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm 2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ % TH 2018/KH 2018
1	Tổng giá trị SXKD (Bao gồm Vật tư A cấp)	310.000	445,745	124%
2	Doanh thu, thu nhập khác	240.000	278.703	116,13%
3	Lợi nhuận trước thuế	10.200	10.762	105,51%
4	Nợ ngân sách	15.000	23.782	158,55%
5	Giá trị đầu tư phát triển	30.000	11.495	38,32%
7	Thu nhập bình quân	7,8	8,5	109%

Nhiệm vụ chung

- Tăng khả năng, năng lực, tiềm lực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và Chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao thương hiệu trên thị trường.
- Tăng năng suất lao động.
- Tăng về chất lượng của Cán bộ, công nhân viên.
- Thực hiện tốt các dự án được Tổng công ty giao đáp ứng chất lượng và tiến độ của Dự án cũng như mục tiêu của Tổng công ty.
- Tìm kiếm và thực hiện tốt các hợp đồng thi công với các đối tác trong và ngoài nước.
- Thực hiện nghiên cứu Đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh của Công ty một cách hiệu quả.
- Đảm bảo công ăn việc làm với thu nhập ổn định cho người lao động, chi trả tiền lương và các chế độ cho người lao động kịp thời và đúng quy định.

Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện cơ bản hoàn thành mục tiêu, cụ thể như:

Sản phẩm Xuất khẩu ra nước ngoài

Đây là bước đi chiến lược của Công ty và cũng là nhiệm vụ mà Công ty đang nỗ lực triển khai, trong năm 2018 Công ty đã ký kết gần 6 triệu USD sản xuất hàng hoá xuất khẩu cho tập đoàn Danieli, đồng thời mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng với một số khách hàng mới như Tập đoàn TENOVA – Italia với giá trị gần 1 triệu USD; Đang thương thảo hợp đồng Tập đoàn Voith Fuji.

Các đối tác trong nước: Trong năm 2018 LAMA đã ký và đang tiếp tục triển khai một số hợp đồng của một số đối tác lớn và có Danh tiếng trên thị trường Việt Nam.



Về triển khai đầu tư năm 2018

Công ty đã thực hiện hoàn thành công tác đầu tư máy móc cho Nhà xưởng giai đoạn 3 (Bao gồm phần kết cấu nhà + Cầu trục và hệ thống nhà phun bi).

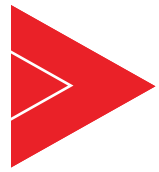
Công ty đã khánh thành nhà văn phòng làm việc và khu phụ trợ đang tiến hành công tác nghiệm thu hoàn công. Công ty đang tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến và tiến hành đầu tư xây dựng nhà xưởng và thiết bị máy móc tại Xí nghiệp gia công cơ khí chính xác và Nhà máy Cơ khí LAMA IDICO.

Về tình hình tài chính

Với mục tiêu lựa chọn các đối tác khách hàng thận trọng, LAMA IDICO luôn đặt tiêu chí về tình hình tài chính là một trong những tiêu chí hàng đầu. Do đó, tình hình tài chính của Công ty phát triển khá tốt. Cụ thể là trong những năm vừa qua, mặc dù một số đơn vị cùng ngành rất khó khăn nhưng LAMA IDICO luôn được sự tin tưởng của Chủ đầu tư kể cả các tập đoàn trong và ngoài nước. Các đối tác truyền thống trong nước tuy có trả chậm hơn nhưng các đối tác này có nguồn lực tài chính mạnh nên tạo niềm tin cho các Tổ chức tín dụng trong trường hợp Công ty cần vay vốn lưu động.

Gia công hàng xuất khẩu với tỷ trọng lớn, nên khi làm việc với các tổ chức tín dụng đã có những thuận lợi nhất định khi được áp dụng các chính sách ưu đãi khi có nguồn USD.

Trong năm Công ty cân đối dòng tiền, sử dụng có hiệu quả và đảm bảo tài chính cho các dự án đầu tư cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo được kế hoạch trả nợ cho ngân hàng.



Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ % KH2019/TH2018
1	Tổng giá trị SXKD	445.745	310.000	86,11%
2	Doanh thu, Thu nhập khác	278.703	260.000	93,29%
3	Lợi nhuận trước thuế	10.762	10.200	94,78%
4	Nợ ngân sách	23.782	20.000	84,1%
5	Giá trị đầu tư phát triển	11.495	44.600	388%
6	Thu nhập bình quân	8.5	8,5	100,00%
7	Cổ tức dự kiến (%)	12%	12%	100,00%

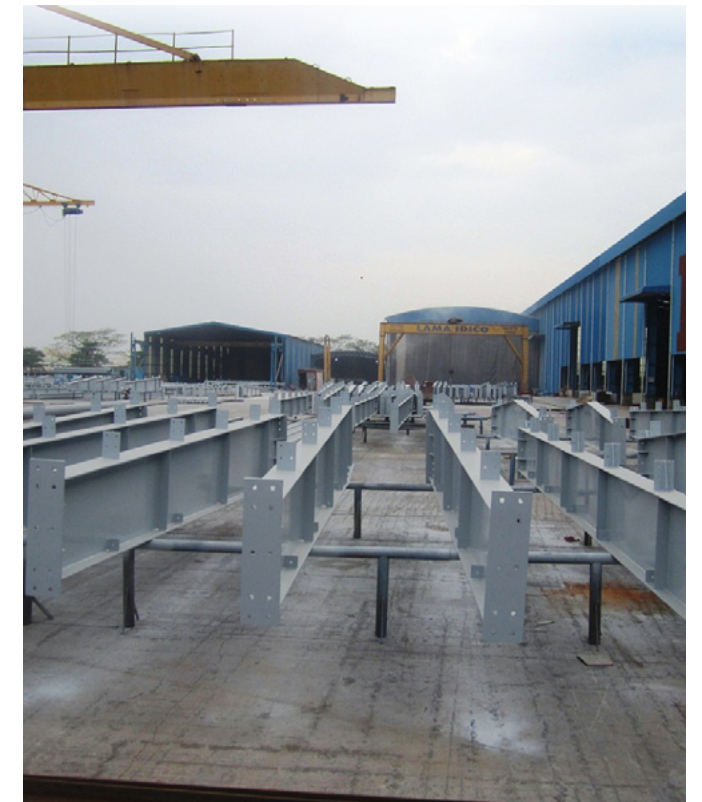


Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm kế hoạch 2019

- Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đầu tư năm 2018, xem xét các vấn đề còn tồn tại của dự án và đề ra biện pháp khắc phục để thực hiện kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh năm 2019 một cách hiệu quả hơn.
- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên để thông báo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện và tiến độ triển khai các dự án đầu tư. Đặc DN cũng như xây dựng thương hiệu LAMA IDICO ngày càng vững mạnh hơn nữa.
- Chỉ đạo Ban điều hành sắp xếp các dây chuyền sản xuất một cách khoa học hơn, đảm bảo khai thác tối đa công suất của máy móc thiết bị cũng như công năng của Nhà xưởng đã đầu tư, tăng tỷ trọng chế tạo hàng tiêu chuẩn và tạo ra được sự gắn kết sản xuất giữa hàng Tiêu chuẩn và hàng Phi tiêu chuẩn.
- Hoàn thiện việc Đầu tư xây dựng Xí nghiệp Cơ khí chính xác một cách khoa học và hợp lý nhất để chế tạo ra những sản phẩm nhằm khẳng định

thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường Cơ khí chính xác tại Việt Nam và tiến dần ra thị trường Quốc tế.

- Hoàn thiện việc đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Dịch vụ LAMA - IDICO. Điều đó giúp cho Doanh nghiệp phát triển thị trường lớn mạnh hơn.

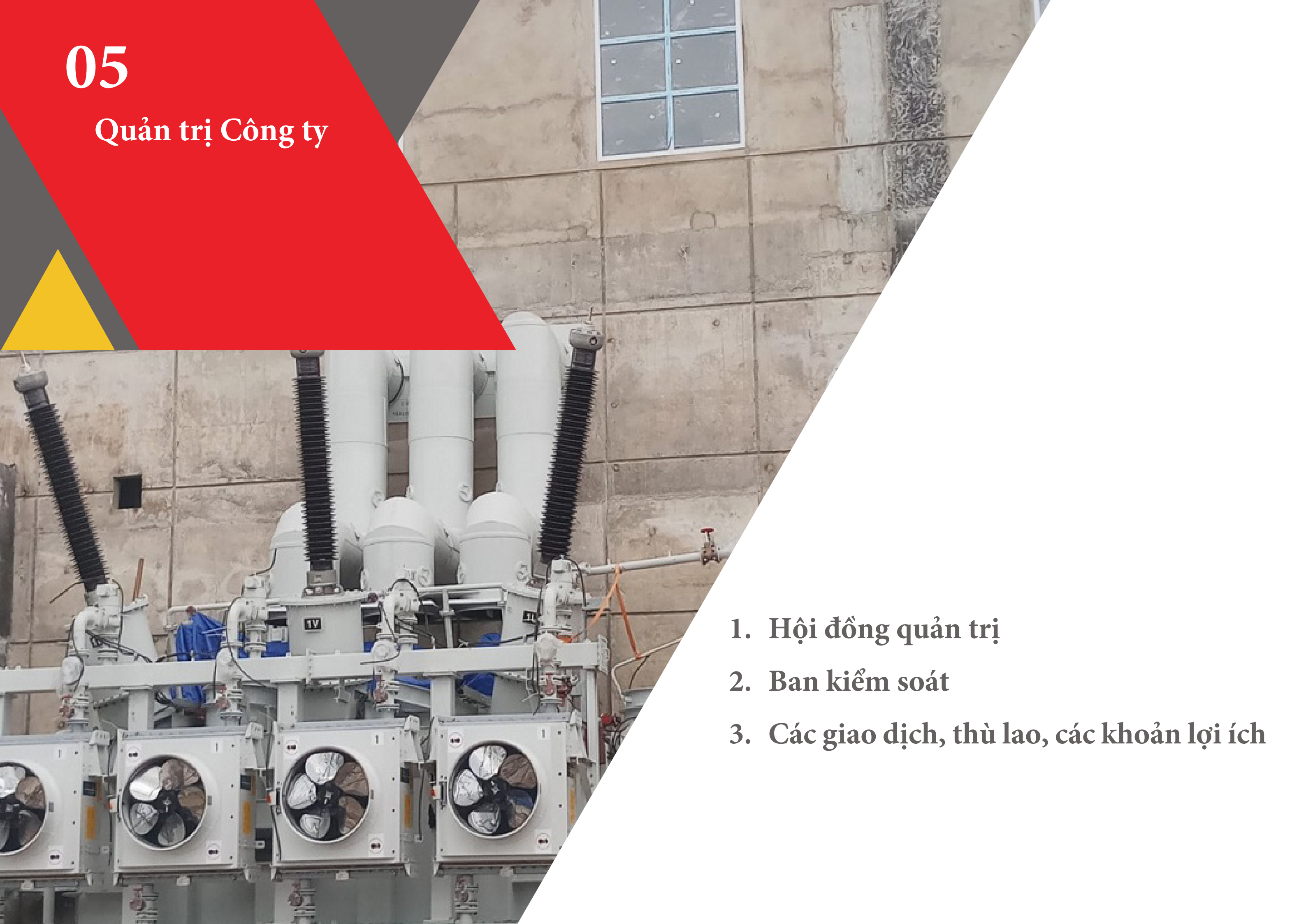


Biện pháp thực hiện trong năm 2019

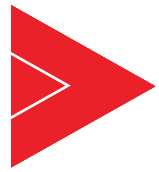
- Tổ chức sự phân cấp trong quản lý thi công một cách khoa học.
- Sắp xếp và đào tạo số lượng cán bộ, kỹ sư có tố chất quản lý, số lượng công nhân lành nghề và các chuyên gia đáp ứng về từng lĩnh vực thi công.
- Đa dạng hóa về sản phẩm và các lĩnh vực thi công nhất là tập trung cao độ cho hàng xuất khẩu.
- Tăng cường khả năng cung cấp sản phẩm có kỹ thuật cao.
- Tăng cường Đầu tư Cơ sở vật chất, nhà xưởng, thiết bị một cách phù hợp và khoa học.
- Cập nhật và ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả.
- Chủ động về tài chính để đáp ứng kịp thời nguồn cung cho công trình và thu hồi vốn kịp thời.
- Tích cực và mạnh mẽ trong công tác tìm kiếm việc làm.

05

Quản trị Công ty



- 1. Hội đồng quản trị**
- 2. Ban kiểm soát**
- 3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích**



Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch
2	Ông Trần Thiện Thành	Thành viên
3	Ông Nguyễn Quang Đồng	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên
5	Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, đảm bảo hài hoà lợi ích cổ đông, nhà nước và người lao động. Hoạt động của Hội đồng quản trị được sự giám sát của Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định, nhiều cuộc họp có mời thêm thành phần Ban Giám đốc và

Ban kiểm soát,

- Năm 2018, Hội đồng quản trị tổ chức 05 cuộc họp, nội dung các cuộc họp bàn về định hướng và giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh của Công ty, giúp Công ty đạt kết quả kinh doanh tốt, mang lại lợi ích to lớn và có ý nghĩa cho các Cổ đông.
- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các nghị quyết, quyết định trong năm

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/HĐQT-CT	11/01/2018	Phê duyệt đầu tư MMTB, nhà xưởng Xí nghiệp Gia công tinh
2	06/QĐ-HĐQT	26/02/2018	Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Nhà văn phòng làm việc
3	13/NQ-HĐQT	11/4/2018	KQ HDSXKD năm 2017, kế hoạch năm 2018 và công tác chuẩn bị đại hội đồng cổ đông 2018.
4	32/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát NK 2018-2023 Bà Hàn Thị Hằng
5	32/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát NK 2018-2023 Ông Phạm Minh Hải
6	39/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT NK 2018-2023 Bà Vũ Thị Hiền
7	40/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT NK 2018-2023 Ông Nguyễn Văn Vinh
8	41/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Ban hành quy chế quản trị Công ty
9	42/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT NK 2018-2023 Ông Nguyễn Quang Đồng
10	44/NQ-HĐQT	17/5/2018	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý (Các Phó giám đốc và kế toán trưởng)
11	45/QĐ-HĐQT	17/5/2018	Bổ nhiệm lại Bà Vũ Thị Hiền – Kế toán trưởng Công ty
12	46/QĐ-HĐQT	17/5/2018	Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Quang Đồng – Phó giám đốc Công ty
13	46/QĐ-HĐQT	17/5/2018	Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Quốc Dương – Phó giám đốc Công ty
14	51/NQ-HĐQT	26/6/2018	Họp HĐQT quý 2, về tình hình SXKD 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch quý 3/2018.

Các nghị quyết, quyết định trong năm (tt)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
15	54/NQ-HĐQT	23/7/2018	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh PGĐ Cty Ông Nguyễn Quốc Dương
16	55/QĐ-HĐQT	23/7/2018	Quyết định miễn nhiệm chức danh PGĐ Cty Ông Nguyễn Quốc Dương
17	56/NQ-HĐQT	23/7/2018	Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Dương – GD NMCK
18	57/QĐ-HĐQT	23/7/2018	Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Dương – GD NMCK
19	62/QĐ-HĐQT	05/9/2018	Phê duyệt dự toán và thiết kế hạng mục: Cầu trục xoay
20	66/NQ-HĐQT	21/9/2018	Họp HĐQT quý 3, về tình hình SXKD 9 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch quý 4/2018; Bổ nhiệm nhân sự mới.
21	70/QĐ-HĐQT	22/9/2018	Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Vinh – PGĐ Công ty
22	71/QĐ-HĐQT	22/9/2018	Quyết định bổ nhiệm Ông Hồ Chí Linh – Tp.KHKT công ty
23	72/QĐ-HĐQT	22/9/2018	QĐ thế chấp tài sản để vay trung hạn ngân hàng.



Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Ngọc Loan	Trưởng ban
2	Ông Phạm Minh Hải	Thành viên
3	Bà Hàn Thị Hằng	Thành viên

Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2018, Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với các nội dung cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành công ty.
- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện việc chấp hành Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018; Trên cơ sở báo cáo tài chính do đơn vị cung cấp và kết quả kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và ý kiến phản hồi của Ban giám đốc Công ty.
- Trao đổi với Ban giám đốc về các ý kiến phản hồi để cùng hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm soát báo cáo tài chính năm 2018.



Kết quả giám sát công tác quản lý và điều hành của BKS

Tình hình hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, đảm bảo hài hoà lợi ích cổ đông, nhà nước và người lao động. Hoạt động của Hội đồng quản trị được sự giám sát của Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định, nhiều cuộc họp có mời thêm thành phần Ban Giám đốc và

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, đảm bảo hài hoà lợi ích cổ đông, nhà nước và người lao động. Hoạt động của Hội đồng quản trị được sự giám sát của Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định, nhiều cuộc họp có mời thêm thành phần Ban Giám đốc và



Công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty

- Ban giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành hoạt động của Công ty đúng chức năng và quyền hạn theo Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược và nhiệm vụ công tác tại các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Giám đốc thường xuyên kiểm tra, giám sát mức độ hoàn thành công việc của bộ máy giúp việc trong công tác điều hành, quản trị doanh

nghiệp; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và các chế độ chính sách với người lao động như: tiền lương, tiền công, BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác liên quan đến người lao động ...

- Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, nhằm tạo ra phong trào thi đua sản xuất trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông

- Năm 2018, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc làm việc độc lập, duy trì việc phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Ban kiểm soát tham dự và đóng góp ý kiến trong một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị và của Ban điều hành.
- Để Ban kiểm soát hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công ty và không làm ảnh hưởng công tác trong Công ty cũng như các Đơn vị trực thuộc thì Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi hết mình cho các hoạt động của Ban kiểm soát .
- Toàn bộ Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT, Thông báo kết luận giao ban của Công ty đều được gửi tới Ban kiểm soát để xem xét và đưa ra ý kiến đóng góp kịp thời.
- Ban kiểm soát đã báo cáo đầy đủ kết quả hoạt động cho cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được các cổ đông nhất trí thông qua.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Chỉ tiêu	Thù lao HĐQT, BKS/ Lương công việc BDH	Thưởng	Tổng cộng
1	Hội đồng quản trị			
1.1	Nguyễn Cao Hà	433.916.000	10.000.000	443.916.000
1.2	Trần Thiện Thành	36.000.000		36.000.000
1.3	Nguyễn Quang Đồng	298.036.000	10.000.000	308.036.000
1.4	Nguyễn Văn Vinh	204.647.000		204.647.000
1.5	Vũ Thị Hiền	236.222.000	7.000.000	243.222.000
2	Ban kiểm soát			
2.1	Trần Thị Ngọc Loan	24.000.000		24.000.000
2.2	Phạm Minh Hải	216.439.800	7.000.000	223.439.800
2.3	Hàn Thị Hằng	104.512.600	10.000.000	114.512.600
3	Ban điều hành			
3.1	Nguyễn Cao Hà	433.916.000	10.000.000	443.916.000
3.2	Nguyễn Quang Đồng	298.036.000	10.000.000	308.036.000
3.3	Nguyễn Văn Vinh	204.647.000		204.647.000
3.4	Vũ Thị Hiền	236.222.000	7.000.000	243.222.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	393.100	Mua	258.200	651.300	19/01/2018
2	Nguyễn Quang Đồng	Phó GD	130.000	Mua	155.900	285.900	01/02/2018
3	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	651.300	Mua	30.000	681.300	27/03/2018
4	Nguyễn Quang Đồng	Phó GD	285.900	Mua	9.000	294.900	21/03/2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-33
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch	
Ông Trần Thiện Thành	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Đồng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2018
Ông Nguyễn Văn Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2018
Bà Vũ Thị Hiền	Ủy viên	
Ông Trần Văn Phú	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2018
Bà Lê Thị Liễu	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2018

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Đồng	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/09/2018
Ông Nguyễn Quốc Dương	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 23/07/2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2018
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2018
Ông Phạm Minh Hải	Thành viên	
Bà Hàn Thị Hằng	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Cao Hà
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-2018-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		242.200.905.537	180.481.420.508
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.004.364.541	2.985.213.040
111	1. Tiền		1.004.364.541	2.985.213.040
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	45.500.000.000	45.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		45.500.000.000	45.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		138.432.035.931	73.304.782.358
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	135.351.235.913	70.670.478.733
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.202.583.625	1.245.828.821
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.444.650.650	1.514.486.756
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(566.434.257)	(126.011.952)
140	IV. Hàng tồn kho	08	57.264.505.065	58.691.425.110
141	1. Hàng tồn kho		57.264.505.065	58.691.425.110
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.501.294.045	55.516.257.985
220	II. Tài sản cố định		41.171.877.191	43.802.349.316
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	40.873.578.348	43.426.700.473
222	- Nguyên giá		104.848.048.504	100.417.380.335
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.974.470.156)	(56.990.679.862)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	298.298.843	375.648.843
228	- Nguyên giá		386.750.000	386.750.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.451.157)	(11.101.157)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	10.595.511.786	10.765.263.582
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.595.511.786	10.765.263.582
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.733.905.068	948.645.087
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.733.905.068	948.645.087
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		301.702.199.582	235.997.678.493

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		211.470.438.543	145.007.745.756
310	I. Nợ ngắn hạn		203.620.777.084	139.146.070.060
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	41.119.444.567	37.026.654.887
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	14.012.510.677	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.456.920.986	2.406.513.994
314	4. Phải trả người lao động		9.083.685.937	9.473.767.155
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	5.712.935.192	1.229.474.005
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.530.122.066	2.637.749.569
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	122.799.390.561	82.245.095.512
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	490.001.709
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.905.767.098	3.636.813.229
330	II. Nợ dài hạn		7.849.661.459	5.861.675.696
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	7.849.661.459	5.861.675.696
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		90.231.761.039	90.989.932.737
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	90.231.761.039	90.989.932.737
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.000.000.000	55.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.000.000.000	55.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		26.320.196.868	14.239.262.540
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.911.564.171	21.750.670.197
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	12.553.311.507
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.911.564.171	9.197.358.690
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		301.702.199.582	235.997.678.493

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	274.580.456.031	278.723.009.588
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		274.580.456.031	278.723.009.588
11	4. Giá vốn hàng bán	23	246.389.320.264	250.952.453.482
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.191.135.767	27.770.556.106
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	3.154.689.002	3.932.501.029
22	7. Chi phí tài chính	25	7.665.505.427	6.676.256.036
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.647.964.540	6.026.406.989
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.878.991.966	14.168.038.574
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.801.327.376	10.858.762.525
31	11. Thu nhập khác	27	968.615.630	402.822.090
32	12. Chi phí khác	27	7.631.309	109.128.234
40	13. Lợi nhuận khác		960.984.321	293.693.856
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.762.311.697	11.152.456.381
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.850.747.526	1.955.097.691
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.911.564.171	9.197.358.690
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.620	1.672

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.762.311.697	11.152.456.381
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.695.629.398	6.453.804.083
03	- Các khoản dự phòng		(49.579.404)	126.011.952
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(281.993.818)	(640.275.774)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.661.257.478)	(3.314.813.662)
06	- Chi phí lãi vay		7.647.964.540	6.026.406.989
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.113.074.935	19.803.589.969
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(65.359.732.662)	2.375.422.755
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.426.920.045	499.286.571
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		22.451.010.085	(17.471.628.492)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.785.259.981)	962.776.009
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.647.964.540)	(6.026.406.989)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.329.393.257)	(1.236.795.608)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(150.782.000)	(719.180.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(34.282.127.375)	(1.812.935.785)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.895.405.477)	(10.546.830.999)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		80.000.000	227.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(30.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	32.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.628.273.415	3.304.661.011
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.187.132.062)	(5.014.897.261)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		250.301.902.882	266.799.909.376
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(207.759.622.070)	(270.599.726.810)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.130.525.000)	(6.757.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		34.411.755.812	(10.557.317.434)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.057.503.625)	(17.385.150.480)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.985.213.040	20.177.667.480
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		76.655.126	192.696.040
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	1.004.364.541	2.985.213.040

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 55.000.000.000 VND tương đương với 5.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, gia công kết cấu thép.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước cho các công trình;
- Sản xuất thùng; bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Gia công, lắp đặt các bể chứa có dung tích lớn vừa và nhỏ, các bình, bồn áp lực cho các dây chuyền công nghệ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, khung nhà công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất nồi hơi (Trừ nồi hơi trung tâm): Gia công, lắp đặt lò hơi trung, cao áp;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng, lắp đặt đường dây, trạm biến áp và trạm phân phối điện đến 500KV, gia công lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình xử lý nước thải;
- Gia công lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn. Lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ. Gia công lắp đặt cầu trục, thiết bị nâng cho các nhà máy, sản công nghiệp, cảng biển và sông;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng, công nghệ giấy, dầu khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với hoạt động xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Table with 3 columns: Asset type, Useful life, and Unit. Rows include: Nhà cửa, vật kiến trúc (06-50 năm), Máy móc, thiết bị (05-10 năm), Phương tiện vận tải, truyền dẫn (08-10 năm), Thiết bị, dụng cụ quản lý (05-10 năm).

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển:

- Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành:

- Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Quyết định số 33267/QĐ-CT ngày 22/12/2014 về việc hoàn thuế TNDN kiêm bù trừ Ngân sách Nhà nước, Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 15% trong thời gian 12 năm tính từ năm bắt đầu hoạt động 2008 đến năm 2019, miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ năm 2008 và giảm 50% đến năm 2010 trong 07 năm tiếp theo bắt đầu từ năm 2011 đến năm 2017 theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	91.981.985	309.797.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	912.382.556	2.675.415.320
	1.004.364.541	2.985.213.040

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn(*)	45.500.000.000	45.500.000.000	45.500.000.000	45.500.000.000
	45.500.000.000	45.500.000.000	45.500.000.000	45.500.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2018, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, được gửi tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 25 tỷ VNĐ và tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Nhơn Trạch 20 tỷ VNĐ, với lãi suất từ 4,8%/năm đến 6%/năm. Các khoản tiền gửi này đang được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng TMCP nêu trên (Chi tiết tại Thuyết minh số 12).

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Danieli	20.242.468.342	-	3.845.399.506	-
- Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát	1.017.080.943	-	24.843.448.790	-
- Viện nghiên cứu cơ khí	10.341.513.210	-	13.045.124.398	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	1.671.409.998	(501.422.999)	1.875.271.608	-
- Công ty Cổ phần LILAMA 45.3	6.272.378.285	-	7.772.378.285	-
- GE Power India Limited	18.040.741.165	-	4.374.192.067	-
- Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	46.460.729.837	-	1.401.843.084	-
- Công ty TNHH Tôn POMINA	6.611.949.429	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	24.692.964.704	(65.011.258)	13.512.820.995	(126.011.952)
	135.351.235.913	(566.434.257)	70.670.478.733	(126.011.952)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	1.808.583.240	(501.422.999)	4.698.236.107	-
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.				

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Đông SAPA	892.612.825	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thiết kế và Thi công Nội thất Huy Hoàng	286.596.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bảo trì lò Việt Nam	181.500.000	-	212.850.000	-
- Phải thu khách hàng khác	841.874.800	-	1.032.978.821	-
	2.202.583.625	-	1.245.828.821	-

16

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	363.063.014	-	410.078.951	-
Tạm ứng	781.186.435	-	811.006.604	-
Ký cược, ký quỹ	25.000.000	-	-	-
Phải thu khác	275.401.201	-	293.401.201	-
	1.444.650.650	-	1.514.486.756	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.965.313.247	-	1.742.353.232	-
Công cụ, dụng cụ	434.199.233	-	261.123.503	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.864.992.585	-	56.687.948.375	-
	57.264.505.065	-	58.691.425.110	-

9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	6.600.000.000
- Mua sắm	-	6.600.000.000
+ Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	-	6.600.000.000
- Xây dựng cơ bản	10.595.511.786	4.165.263.582
+ Gia công máy ép CUP tại nhà máy	110.500.000	110.500.000
+ Đầu tư xây dựng Nhà xưởng XN gia công tinh	1.587.799.789	116.940.020
+ Đầu tư xây dựng Nhà văn phòng Công ty (*)	8.897.211.997	3.937.823.562
	10.595.511.786	10.765.263.582

(*) Theo Quyết định số 26/HĐQT-CT ngày 12/05/2014 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà văn phòng với tổng mức đầu tư 23.881.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2018, Công trình hiện đang trong quá trình nghiệm thu đưa vào sử dụng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	677.603.717	948.645.087
Tiền thuê đất Văn phòng làm việc	7.056.301.351	-
	7.733.905.068	948.645.087

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	37.609.807.840	48.122.040.928	14.543.140.294	142.391.273	100.417.380.335				
- Mua trong năm	-	5.065.157.273	-	-	5.065.157.273				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(634.489.104)	-	(634.489.104)				
Số dư cuối năm	37.609.807.840	53.187.198.201	13.908.651.190	142.391.273	104.848.048.504				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	10.967.462.707	37.416.874.529	8.511.038.223	95.304.403	56.990.679.862				
- Khấu hao trong năm	1.939.572.903	3.251.688.568	2.404.108.836	22.909.091	7.618.279.398				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(634.489.104)	-	(634.489.104)				
Số dư cuối năm	12.907.035.610	40.668.563.097	10.280.657.955	118.213.494	63.974.470.156				
Giá trị còn lại	26.642.345.133	10.705.166.399	6.032.102.071	47.086.870	43.426.700.473				
Tại ngày đầu năm	24.702.772.230	12.518.635.104	3.627.993.235	24.177.779	40.873.578.348				
Tại ngày cuối năm									

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.473.721.366 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.047.960.448 VND.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của công ty là phần mềm sắp xếp tên Sigmanest Companion MX 100 có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2018 là 386.750.000 VND và 88.451.157 VND. Trong đó khấu hao trong năm 2018 là 77.350.000 VND.



18 H.H.N.

M.S.D.N.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- GIR GAI TRADING COMPANY LIMITED	6.391.277.460	6.391.277.460	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Thái Dương Anh	1.968.387.540	1.968.387.540	-	-
- Công ty TNHH TM và SX TVS	5.714.028.705	5.714.028.705	3.518.574.451	3.518.574.451
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bắc Việt	2.501.528.914	2.501.528.914	4.244.498.743	4.244.498.743
- Công ty TNHH Vận chuyển Danh Nghĩa	1.958.605.000	1.958.605.000	1.359.215.000	1.359.215.000
- Viện Nghiên cứu cơ khí	-	-	1.208.814.515	1.208.814.515
- Công ty TNHH TM - DV Vận tải Thành Nhân	831.198.500	831.198.500	2.452.938.500	2.452.938.500
- Công ty Cổ phần Ruy Băng Đỏ	-	-	2.967.162.000	2.967.162.000
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Tân Sơn	-	-	2.038.176.910	2.038.176.910
- Công ty TNHH MTV TM XD Sơn Huyền S.Q.H	2.094.775.925	2.094.775.925	2.676.294.500	2.676.294.500
- Phải trả các đối tượng khác	19.659.642.523	19.659.642.523	16.560.980.268	16.560.980.268
	41.119.444.567	41.119.444.567	37.026.654.887	37.026.654.887
	202.997.312	202.997.312	304.669.770	304.669.770

b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Danieli.Co, Ltd (Văn phòng tại Quảng Ngãi)	4.950.000.000	-
- Công ty TNHH SX TM XNK Phúc An	9.062.510.677	-
	14.012.510.677	-

150

100

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.498.992.788	4.576.166.902	5.231.600.665	-	843.559.025				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	709.393.257	1.850.747.526	1.329.393.257	-	1.230.747.526				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	198.127.949	981.309.439	796.822.953	-	382.614.435				
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	567.768.060	567.768.060	-	-				
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-				
	-	2.406.513.994	7.978.991.927	7.928.584.935	-	2.456.920.986				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán, công trình đã nghiệm thu khối lượng		
- Gia công hàng xuất khẩu cho Công ty TNHH Danieli	666.360.687	281.478.749
- Gia công lắp đặt các Hợp đồng cho Nhà máy Vinakyoie	-	371.268.338
- Gia công, lắp lò thiết bị tại Nhà máy Tôn Đông Á	348.000.000	161.792.512
- Gia công cầu cho Công ty TNHH Kone Cranes	3.530.191.161	207.360.751
- Gia công, lắp đặt tại Nhà máy thép TVP	266.701.800	-
- Chi phí phải trả khác	901.681.544	207.573.655
	5.712.935.192	1.229.474.005

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	753.642.121	492.692.689
- Bảo hiểm xã hội	9.058.028	167.905.093
- Bảo hiểm y tế	72.179.264	375.714.030
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.509.088	174.956.249
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	298.275.000	178.800.000
- Phải trả các đội thi công	574.859.155	838.459.508
- Vật tư công trình mượn tạm	1.716.931.261	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.668.149	409.222.000
	3.530.122.066	2.637.749.569

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	76.849.095.512	76.849.095.512	241.631.157.219	115.133.390.561
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽¹⁾	44.638.910.666	44.638.910.666	188.358.482.307	85.378.646.637
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch ⁽²⁾	32.210.184.846	32.210.184.846	53.272.674.912	29.754.743.924
Vay dài hạn đến hạn trả	5.396.000.000	5.396.000.000	6.682.759.900	7.666.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽³⁾	3.068.000.000	3.068.000.000	5.340.759.900	5.338.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch ⁽⁴⁾	2.328.000.000	2.328.000.000	1.342.000.000	2.328.000.000
	82.245.095.512	82.245.095.512	248.313.917.119	122.799.390.561
b) Vay dài hạn				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽³⁾	7.558.675.696	7.558.675.696	5.784.926.163	10.272.841.959
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch ⁽⁴⁾	3.699.000.000	3.699.000.000	2.885.819.500	5.242.819.500
	11.257.675.696	11.257.675.696	8.670.745.663	15.515.661.459
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.396.000.000)	(5.396.000.000)	(6.682.759.900)	(7.666.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	5.861.675.696	5.861.675.696		7.849.661.459

22

TP. HCM
H. NHON TRACH
C. T. D.

M.S.D
H. NHON TRACH
B

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức 01/2018/2184159/HĐTĐ ngày 22/06/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng;
 - Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 85.378.646.637 VND.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2018003-CRC/HDCV-HM ngày 23/08/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Một phần đảm bảo bằng Tài sản là tiền gửi VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Nhơn Trạch (giá trị tối thiểu bằng 50% dự nợ vay) và một phần cho vay tín chấp;
 - Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 29.754.743.924 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Số dư tại ngày 31/12/2018 bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:
- (3.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2014/2184159/HĐTĐ ngày 28/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 2.390.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Mua xe ô tô hiệu Lexus RX350;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ và điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 350.000.000 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 350.000.000 VND.
- (3.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2014/2184159/HĐTĐ ngày 26/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 980.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Mua xe ô tô khách 29 chỗ hiệu Hyundai e - County 2-2;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là: 196.000.000 VND, trong đó dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 196.000.000 VND.
- (3.3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2014/2184159/HĐTĐ ngày 06/02/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 2.744.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Mua xe ô tô tải có gắn cầu hiệu Hyundai HD 320-340;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 664.000.000 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 520.000.000 VND.

- (3.4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/2184159/HĐTD ngày 23/01/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 1.760.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Mua thiết bị tời điện cầu trục, hệ thống thủy lực máy chấn tôn, máy cắt tôn tự động CNC;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 352.000.000 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 352.000.000 VND.
- (3.5) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2015/2184159/HĐTD ngày 30/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 2.600.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn tự có đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 9%/ năm đến 01/04/2016 sau đó được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 1.040.000.000 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 520.000.000 VND.
- (3.6) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/2184159/HĐTD ngày 02/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Cho vay đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 9%/ năm đến 30/09/2017 sau đó được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 1.888.675.696 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.000.000.000 VND.
- (3.7) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2184159/HĐTD ngày 30/06/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 125.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Xây dựng nhà xưởng gia công cơ khí Chính xác;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 10%/ năm đến 31/12/2018 sau đó được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 118.958.100 VND.
- (3.8) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2018/2184159/HĐTD ngày 22/10/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Xây dựng nhà Văn phòng làm việc tại xã Long An, Long Thành Đồng Nai;
 - Thời hạn cho vay: 84 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 10%/ năm đến 31/12/2019 sau đó được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là: 5.663.208.163 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.400.000.000 VND.

- (4) Số dư tại ngày 31/12/2018 bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:
- (4.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2017049/HĐTD-TDH ngày 31/10/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 6.900.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Cho vay đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất;
 - Thời hạn cho vay: 48 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8,6%/ năm đến 31/10/2018 sau đó được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 4.165.819.500 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.972.000.000 VND.
- (4.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2017004/HĐTD-TDH ngày 02/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 1.700.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn tự có đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 9%/ năm đến 30/09/2017 sau đó được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 1.077.000.000 VND, trong đó nợ gốc phải trả trong năm tới là 356.000.000 VND.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	55.000.000.000	13.319.332.540	21.493.171.507	89.812.504.047
Lãi trong năm trước	-	-	9.197.358.690	9.197.358.690
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	919.930.000	(919.930.000)	-
Chia cổ tức năm 2016	-	-	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.419.930.000)	(1.419.930.000)
Số dư cuối năm trước	55.000.000.000	14.239.262.540	21.750.670.197	90.989.932.737
Số dư đầu năm nay	55.000.000.000	14.239.262.540	21.750.670.197	90.989.932.737
Lãi trong năm nay	-	-	8.911.564.171	8.911.564.171
Chia cổ tức năm 2017 ^(*)	-	-	(8.250.000.000)	(8.250.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	-	(919.735.869)	(919.735.869)
Trích Quỹ khen thưởng BĐH ^(*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển ^(*)	-	12.080.934.328	(12.080.934.328)	-
Số dư cuối năm nay	55.000.000.000	26.320.196.868	8.911.564.171	90.231.761.039

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/NQ/DHCCD ngày 26/04/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 và lợi nhuận lũy kế các năm trước như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100	21.750.670.197
Trích Quỹ đầu tư phát triển	55,54	12.080.934.328
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,30	500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,23	919.735.869
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	37,93	8.250.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	20,13	11.068.910.000	20,13	11.068.910.000
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	5,19	2.856.650.000	5,19	2.856.650.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	4,81	2.644.240.000	4,81	2.644.240.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	4,36	2.400.000.000	4,36	2.400.000.000
- Cổ đông khác	65,51	36.030.200.000	65,51	36.030.200.000
	100,00	55.000.000.000	100,00	55.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.000.000.000	55.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	178.800.000	336.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	8.250.000.000	6.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.250.000.000	6.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	8.130.525.000	6.757.500.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.130.525.000	6.757.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	298.275.000	178.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.320.196.868	14.239.262.540
	26.320.196.868	14.239.262.540

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất từ năm 2008 đến năm 2058 Diện tích khu đất thuê là 40.000 m² Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hợp đồng.

b) Tài sản nhận giữ hộ

- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công là các chi tiết, vật tư gia công kết cấu thép.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.065,00	55.827,34
- Đồng Euro (EUR)	437,06	448,02

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	273.984.646.294	278.723.009.588
Doanh thu bán hàng hóa	595.809.737	-
	274.580.456.031	278.723.009.588
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	-	36.348.483.443

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	246.195.923.664	250.952.453.482
Giá vốn của hàng hóa đã bán	193.396.600	-
	246.389.320.264	250.952.453.482

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.581.257.478	3.087.540.935
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	291.437.706	204.684.320
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	281.993.818	640.275.774
	3.154.689.002	3.932.501.029

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	7.647.964.540	6.026.406.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.540.887	649.849.047
	7.665.505.427	6.676.256.036

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	702.848.590	581.519.664
Chi phí nhân công	8.983.426.741	9.759.754.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	740.730.000	856.217.554
Thuế, phí, lệ phí	607.036.376	357.972.584
Chi phí dự phòng	440.422.305	126.011.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	882.116.177	612.448.786
Chi phí khác bằng tiền	1.522.411.777	1.874.113.896
	13.878.991.966	14.168.038.574

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	80.000.000	227.272.727
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	300.200.000	100.000.000
Hoàn nhập chi phí trích trước	96.033.363	-
Hoàn nhập bảo hành công trình	490.001.709	-
Thu nhập khác	2.380.558	75.549.363
	968.615.630	402.822.090

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.762.311.697	11.152.456.381
Các khoản điều chỉnh tăng	1.036.864.490	1.795.791.128
- Phần khấu hao xe 60A 177.58 Vượt khung năm 2017	293.080.000	293.080.000
- Thủ lao Hội đồng quản trị, BKS	96.000.000	150.000.000
- Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước chuyển sang đã thực hiện	640.275.774	1.243.582.894
- Phạt tiền nộp chậm vi phạm hành chính	7.508.716	109.128.234
Các khoản điều chỉnh giảm	(448.048.984)	(640.275.774)
- Lãi Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(448.048.984)	(640.275.774)
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.351.127.203	12.307.971.735
- Thu nhập chịu thuế suất 15%	8.389.558.290	8.817.608.710
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	2.961.568.913	3.490.363.025
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.850.747.526	1.359.393.258
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	595.704.433
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	709.393.257	(8.908.826)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.329.393.257)	(1.236.795.608)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.230.747.526	709.393.257

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.911.564.171	9.197.358.690
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.911.564.171	9.197.358.690
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.620	1.672

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.610.851.175	149.166.335.809
Chi phí nhân công	66.086.875.416	66.620.549.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.695.629.398	6.453.804.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.938.982.674	56.145.701.086
Chi phí khác bằng tiền	1.919.621.177	3.414.116.071
	244.251.959.840	281.800.506.853

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.004.364.541	-	2.985.213.040	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	136.795.886.563	(566.434.257)	72.184.965.489	(126.011.952)
Các khoản cho vay	45.500.000.000	-	45.500.000.000	-
	183.300.251.104	(566.434.257)	120.670.178.529	(126.011.952)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			130.649.052.020	88.106.771.208
Phải trả người bán, phải trả khác			44.649.566.633	39.664.404.456
Chi phí phải trả			5.712.935.192	1.229.474.005
			181.011.553.845	129.000.649.669

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.004.364.541	-	-	1.004.364.541
Phải thu khách hàng, phải thu khác	136.229.452.306	-	-	136.229.452.306
Các khoản cho vay	45.500.000.000	-	-	45.500.000.000
	182.733.816.847	-	-	182.733.816.847
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.985.213.040	-	-	2.985.213.040
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72.058.953.537	-	-	72.058.953.537
Các khoản cho vay	45.500.000.000	-	-	45.500.000.000
	120.544.166.577	-	-	120.544.166.577

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	122.799.390.561	7.849.661.459	-	130.649.052.020
Phải trả người bán, phải trả khác	44.649.566.633	-	-	44.649.566.633
Chi phí phải trả	5.712.935.192	-	-	5.712.935.192
	173.161.892.386	7.849.661.459	-	181.011.553.845
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	82.245.095.512	5.861.675.696	-	88.106.771.208
Phải trả người bán, phải trả khác	39.664.404.456	-	-	39.664.404.456
Chi phí phải trả	1.229.474.005	-	-	1.229.474.005
	123.138.973.973	5.861.675.696	-	129.000.649.669

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	250.301.902.882	266.799.909.376
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	207.759.622.070	270.599.726.810

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	183.993.381.891	90.587.074.140	274.580.456.031
Tài sản bộ phận	228.042.690.683	73.659.508.899	301.702.199.582
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	4.895.405.477

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV.	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Cổ đông
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Sork Phu Miêng	Cùng Tổng Công ty

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sork Phu Miêng	Cùng Tổng Công ty	- 750.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Cổ đông	- 35.598.483.443

Mua hàng

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Cổ đông	1.660.797.197	1.048.561.376
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cổ đông	908.851.875	856.393.650
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Cổ đông	-	198.649.059

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Cùng Tổng Công ty	16.551.664	84.884.995
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Cùng Tổng Công ty	1.671.409.998	1.875.271.608
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 4	Cùng Tổng Công ty	120.621.578	120.621.578
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Cổ đông	-	2.617.457.926
Phải trả người bán ngắn hạn			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Cổ đông	200.940.982	236.336.439
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cổ đông	2.056.330	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Cổ đông	-	68.333.331

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.	1.694.880.400	1.366.186.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trần Văn Ngọc

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hiền

Giám đốc



Nguyễn Cao Hà

C.T. H. NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI

75839 C.T. H. NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI

H. NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI

C.T. H. NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2019

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Cao Hà





IDICO

www.idico.com.vn

LAMA IDICO



Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Xã Hiệp Phước,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai



Số điện thoại: (0251) 3569 439 - Số fax: (0251) 3569 437



lamaidico.com.vn



Email: lamaidico@vnn.vn